

Số: 51 /HD-UBND

Hà Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2021

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020
của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát
triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại tờ trình số 08/TTr-SNN ngày 08/01/2020, UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND, với các nội dung như sau:

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Phạm vi áp dụng, đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, định mức; thời gian hỗ trợ và nguồn vốn hỗ trợ

a) Phạm vi áp dụng: Văn bản này hướng dẫn về quy trình thực hiện Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020.

b) Đối tượng áp dụng, nguyên tắc, điều kiện, định mức; thời gian hỗ trợ và nguồn vốn hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND.

2. Giải thích từ ngữ

- *Vườn tạp*: Là diện tích đất nông nghiệp nằm liền kề với khuôn viên của các hộ gia đình, không bao gồm diện tích có cây rừng tự nhiên; trong đó gồm nhiều loại cây trồng xen lẫn nhau như cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp hoặc một loài cây nhưng nhiều giống khác nhau, tuổi cây khác nhau không xác định được cây chủ lực. Là vườn cây quảng canh, đầu tư lao động, vật tư, kỹ thuật ít, sản phẩm thu hoạch không tập trung, cho năng suất thấp.

- *Cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ*: Là sự tác động làm thay đổi cơ cấu cây trồng và sử dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm tạo ra mô hình vườn mang tính chất hàng hóa, có thu nhập kinh tế cao, phù hợp với vùng sinh thái của địa phương.

- *Sơ đồ vườn tạp*: Là bản vẽ sơ đồ vườn được thể hiện trên giấy A0 do cán bộ khuyến nông thảo luận cùng hộ gia đình để thống nhất phương hướng sản xuất của vườn theo sơ đồ mẫu của UBND cấp huyện, thành phố ban hành.

- *Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào ít nhất một khâu*: Là việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới trong nghề làm vườn, như: sử dụng giống tốt sạch bệnh, tưới nước tiết kiệm, canh tác trong nhà lưới nhà màng; sản phẩm của vườn được sơ chế, chế biến... Thực hiện làm vườn hữu cơ, sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, tiết giảm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật hóa học; sử dụng chế phẩm sinh học.

- *Sản phẩm hàng hóa từ vườn hộ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm*: Sản phẩm từ vườn an toàn, chất lượng, thông tin minh bạch cho người tiêu dùng.
- *Cơ sở lưu giữ nguồn giống cam sành S0, S1*: Là tổ chức, cá nhân có vườn lưu giữ cây cam sành S0, S1, sạch bệnh virus, vi khuẩn được trồng trong điều kiện nhà lưới cách ly môi giới truyền bệnh, tuổi trên một năm và trong thời gian hiệu lực của Giấy công nhận nguồn gốc giống.
- *Cây giống cam sành S0*: Là cây được nhân giống vô tính từ cây cam sành đầu dòng, được kiểm tra và xác nhận không mang mầm bệnh Greening và bệnh Tristeza.
- *Cây giống cam sành S1*: Cây được nhân giống vô tính từ cây S1, được kiểm tra và xác nhận không mang mầm bệnh Greening và bệnh Tristeza.
- *Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng*: Là chi phí thực hiện bồi thường khi thu hồi đất hoặc chi phí di chuyển nhà cửa, cây cối, tài sản thuộc sở hữu chủ thể bị thu hồi để trên phần đất quy hoạch được cấp thẩm quyền cho phép thực hiện dự án.

II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đối với chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ

- Bước 1: Các hộ nghèo, cận nghèo có lao động, có nhu cầu vay vốn cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ viết đơn đăng ký gửi UBND xã, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) theo **Mẫu số 01/HD-UBND**.

- Bước 2: UBND cấp xã quyết định thành lập tổ thẩm định do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND xã phụ trách lĩnh vực làm tổ trưởng, thành viên gồm: Trưởng thôn, cán bộ khuyến nông xã; tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác của Ngân hàng chính sách xã hội. Định kỳ hàng tháng, Tổ thẩm định trực tiếp xác minh thẩm định điều kiện vay vốn của các hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu. Trường hợp đủ điều kiện giao cho cán bộ khuyến nông xã hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo lập sơ đồ cải tạo vườn hộ theo mẫu chung của UBND huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện).

Nội dung xác minh, thẩm định: Xác nhận là hộ nghèo, cận nghèo; có lao động, có diện tích vườn để thực hiện cải tạo vườn tạp và thẩm định nội dung cam kết theo đơn đăng ký về 04 tiêu chí vườn hộ và quy mô vườn hộ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 2, Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND.

- Bước 3: UBND cấp xã lập danh sách các hộ nghèo, cận nghèo có đủ điều kiện được vay vốn gửi Ngân hàng chính sách xã hội huyện và thông báo cho hộ nghèo, cận nghèo biết.

- Bước 4: Ngân hàng chính sách xã hội huyện và Tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác căn cứ danh sách các hộ đủ điều kiện đã được thẩm định. Hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo lập hồ sơ vay vốn theo **Phụ lục số 01/UBND-HD** và giải ngân nguồn vốn vay tại trụ sở UBND cấp xã.

2. Đối với chính sách phát triển bền vững cây cam sành

2.1. Chính sách cho vay vốn để nâng cao chất lượng cây cam sành

- Bước 1: Căn cứ chỉ tiêu diện tích cam sành do UBND tỉnh phân bổ theo Kế hoạch hàng năm, UBND cấp huyện triển khai đến UBND cấp xã thông báo đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đề đăng ký nhu cầu, thời gian thông báo

trước ngày 20/01 hàng năm. Trước ngày 30/01 hàng năm, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu vay vốn thuộc đối tượng hỗ trợ, đáp ứng các điều kiện được vay vốn, nộp đơn trực tiếp đến UBND cấp xã theo **Mẫu số 02a/HD-UBND** đối với cá nhân, **Mẫu số 02b/HD-UBND**, đối với tổ chức.

UBND cấp xã tập hợp đơn của các tổ chức, cá nhân đề nghị vay vốn gửi Phòng Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp theo **Mẫu số 03/HD-UBND**.

Bước 2: Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu thành lập tổ thẩm định (thành phần: Đại diện Phòng Nông nghiệp và PTNT làm tổ trưởng; thành viên: đại diện UBND cấp xã, Trưởng thôn, Tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác của Ngân hàng chính sách xã hội trực tiếp xác minh, thẩm định điều kiện vay vốn của các tổ chức, cá nhân.

Nội dung xác minh, thẩm định: Xác minh đối với tổ chức, cá nhân theo đơn đăng ký về các điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND. Lưu ý, để xác định tuổi của vườn cam từ 6 -15 năm tuổi, Tổ thẩm định phải thực hiện việc điều tra phỏng vấn các hộ gia đình lân cận, trưởng thôn và cam kết của chủ vườn. Diện tích cam đăng ký nâng cao chất lượng phải thuộc 38 xã trong vùng chỉ dẫn địa lý cam sành Hà Giang và các tiêu chí đảm bảo chất lượng đặc thù, hình thái sản phẩm cam sành theo Quyết định số 4092/QĐ-SHTT ngày 10/10/2016 của Cục Sở hữu trí tuệ (có sao gửi kèm hướng dẫn này).

- Bước 3: Phòng Nông nghiệp và PTNT lập danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trình UBND huyện phê duyệt danh sách tổ chức cá nhân được vay vốn gửi cho tổ chức, cá nhân và Ngân hàng chính sách xã hội huyện.

- Bước 4: Ngân hàng chính sách xã hội huyện và Tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác căn cứ kế hoạch được UBND huyện phê duyệt, hướng dẫn cho các tổ chức cá nhân đủ điều kiện lập hồ sơ vay vốn theo **Phụ lục số 02/UBND-HD** và giải ngân nguồn vốn vay tại trụ sở UBND cấp xã.

2.2. Đối với chính sách bảo tồn gen, nhân giống tốt và chuyển giao kỹ thuật

- Bước 1: Các tổ chức có đủ điều kiện thụ hưởng chính sách xây dựng kế hoạch bảo tồn gen, nhân giống tốt và chuyển giao kỹ thuật theo **Mẫu số 04a/HD-UBND** gửi Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 30/10 hàng năm (riêng năm 2021 gửi trước ngày 30/01).

Đối với cá nhân gửi đơn đăng ký theo **Mẫu số 04b/HD-UBND** về Phòng Nông nghiệp và PTNT trước ngày 30/9 hàng năm. Phòng Nông nghiệp và PTNT tổng hợp gửi danh sách về Sở Nông nghiệp và PTNT trước 30/10 hàng năm (riêng năm 2021 các cá nhân có nhu cầu gửi trực tiếp về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 30/01)

- Bước 2: Trước ngày 15/11 hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp trình UBND phê duyệt Kế hoạch và dự toán bảo tồn gen, nhân giống tốt và chuyển giao kỹ thuật của năm tiếp theo.

Nội dung thẩm định: Tổ chức, cá nhân có nguồn giống cây cam sành S0, S1 được sản xuất theo quy trình sạch bệnh (quy trình giám định bệnh Tristeza và Greening); quy trình sản xuất cây sành S0, S1 được cấp có thẩm quyền công nhận. Nguồn giống phải được Sở Nông nghiệp và PTNT hàng năm theo dõi và đánh giá sạch bệnh (không có bệnh Tristeza và Greening).

- Bước 3: Căn cứ vào Kế hoạch bảo tồn gen, nhân giống tốt và chuyển giao kỹ thuật đã được phê duyệt, trước ngày 30/10 của năm thực hiện kế hoạch, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đề nghị hỗ trợ kinh phí về Sở Nông nghiệp và PTNT để thẩm định điều kiện giải ngân. Thành phần hồ sơ gồm: (1) hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, biên bản nghiệm thu, kết quả phân tích mẫu bệnh trên cây cam sành sành S0, S1 do đơn vị có đủ năng lực thực hiện phân tích mẫu bệnh; (2) Biên bản kiểm tra tình hình khai thác, sử dụng và bảo vệ cây S0, S1 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Bước 4: Trước ngày 31/11 hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ hồ sơ đề nghị giải ngân trình UBND tỉnh ra quyết định hỗ trợ nếu đủ điều kiện. Trường hợp không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do nếu không đảm bảo điều kiện được hỗ trợ. Sở Tài chính có trách nhiệm thanh toán kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân liên quan theo Quyết định của UBND tỉnh.

3. Đối với chính sách hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm cam sành

- Bước 1: Trước 15/9 hàng năm, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ gửi đơn đăng ký đến UBND cấp xã. Đối với cá nhân theo **Mẫu số 05a/HD-UBND**, đối với tổ chức theo **Mẫu số 05b/HD-UBND**.

- Bước 2: UBND cấp xã tập hợp đơn của các tổ chức, cá nhân đề nghị được hưởng chính sách, số tiền đề nghị hưởng hỗ trợ gửi Phòng Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp trình UBND cấp huyện phê duyệt Kế hoạch và dự toán.

- Bước 3: Trước ngày 20/12 hàng năm, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị giải ngân về Phòng Nông nghiệp và PTNT. Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính – kế hoạch thẩm định trình UBND huyện quyết định hỗ trợ.

- Bước 4: Căn cứ Quyết định của UBND cấp huyện, Phòng Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm giải ngân cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thụ hưởng. Thành phần hồ sơ giải ngân gồm: Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, biên bản nghiệm thu (*có xác nhận của chính quyền địa phương nơi sản xuất*); sản phẩm cam sành có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (*có dán tem truy suất nguồn gốc, có giấy chứng nhận (bản sao) sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc GAP khác do cơ quan có thẩm quyền cấp*) và là sản phẩm cam sành được sản xuất tại tỉnh Hà Giang.

3. Đối với chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm cây ăn quả có múi

- Bước 1: Sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành xây dựng xong Nhà máy chế biến sản phẩm cây ăn quả có múi, tổ chức, cá nhân lập đơn đề nghị hỗ trợ theo **Mẫu số: 06/HD-UBND** bao gồm Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh hoặc gửi qua bưu điện, hay hệ thống vnptioffice.

- Bước 2. Trong thời hạn tối đa 2 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Văn bản đề nghị các Sở, ngành, đơn vị có liên quan đi kiểm tra thực tế đối với đề xuất hỗ trợ xây dựng hệ thống hạ tầng ngoài hàng rào của các tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ

chưa đáp ứng yêu cầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Văn bản gửi các tổ chức, cá nhân biết để thực hiện. Trong thời gian 05 ngày làm việc (hoàn thành biên bản đi kiểm tra thực tế và Báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định, đề UBND tỉnh xem xét giao cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp dưới lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư). Việc thẩm định xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện theo khoản 22, Điều 4 và Điều 27, 31 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH 14 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Bước 3: Sau khi thẩm định hồ sơ theo Luật Đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh về kết quả thẩm định dự án (công trình), UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng dự án, trong đó nêu rõ số kinh phí và nguồn vốn hỗ trợ cho dự án.

- Bước 4: Việc hỗ trợ vốn thực hiện sau đầu tư, sau khi các dự án/công trình hoàn thành xây dựng và tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị nghiệm thu và đề nghị được hưởng hỗ trợ trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và PTNT. Thành phần hồ sơ dự án, hồ sơ giải ngân, nghiệm thu, nội dung nghiệm thu theo điểm b, điểm c, khoản 4, Điều 4, Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND.

III. LẬP DỰ TOÁN VÀ PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách

1.1. Đối với các chính sách hỗ trợ vay vốn với lãi suất bằng 0% quy định tại Điều 2 và Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND

a) Căn cứ kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm; ước thực hiện cả năm và hồ sơ vay vốn, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND cấp xã và Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất cùng thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm.

b) Căn cứ dự toán kinh phí do UBND cấp huyện lập, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổng hợp trình UBND tỉnh cân đối bố trí dự toán kinh phí thực hiện chính sách.

1.2. Đối với các chính sách hỗ trợ trực tiếp quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND

a) Căn cứ vào các hồ sơ, dự án được thẩm định, UBND cấp huyện/Sở Nông nghiệp và PTNT lập dự toán kinh phí thực hiện các chính sách gửi Sở Tài chính (*đối với nguồn vốn sự nghiệp*); Sở Kế hoạch và Đầu tư (*đối với nguồn vốn đầu tư*) cùng thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm.

b) Căn cứ dự toán do UBND cấp huyện và Sở Nông nghiệp và PTNT lập, Sở Tài chính/Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh cân đối, bố trí dự toán kinh phí thực hiện chính sách.

2. Phương thức cấp phát, thanh toán

2.1. Cấp phát, thanh toán đối với các chính sách vay vốn

a) Căn cứ quyết định phân bổ kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh, Sở Tài chính chuyển tiền ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội bằng hình thức lệnh chi tiền theo quý (*nếu số vốn giải ngân thực tế cao hơn số vốn cấp hàng quý thì Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh gửi văn bản đề nghị Sở Tài chính bổ sung*).

b) Căn cứ số vốn thực tế giải ngân, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh tổng hợp và báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện phí quản lý nguồn vốn ủy thác tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh với mức 3,54%/năm gửi Sở Tài chính để tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí.

2.2. Cấp phát, thanh toán đối với các chính sách hỗ trợ trực tiếp

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ của các tổ chức, cá nhân:

- Trường hợp đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ: Trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ, trong đó nêu cụ thể về mức hỗ trợ và nguồn vốn bố trí.

- Trường hợp không đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ: Có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân biết.

b) Căn cứ Quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí cho tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách bằng hình thức Lệnh chi tiền.

2.3. Đối với chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp

a) Chính sách bảo tồn gen, nhân giống tốt và chuyển giao kỹ thuật:

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ, trong đó Sở Tài chính tham gia ý kiến về nguồn kinh phí.

- Căn cứ quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân liên quan.

b) Chính sách hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm cam sành:

- Căn cứ Quyết định hỗ trợ của UBND cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch trình UBND cấp huyện tạm cấp kinh phí để hỗ trợ cho Phòng Nông nghiệp và PTNT.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT, căn cứ hồ sơ được duyệt để chi trả tiền cho các tổ chức, cá nhân. Sau khi hoàn thành việc chi trả chính sách hỗ trợ cho các đối tượng, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách báo cáo UBND cấp huyện gửi Sở Tài chính cấp kinh phí. Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ sung kinh phí cho UBND cấp huyện.

- Căn cứ Quyết định cấp bổ sung kinh phí của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính thông báo bổ sung có mục tiêu kinh phí cho cấp huyện. Căn cứ nguồn kinh phí do ngân sách tỉnh cấp bổ sung, UBND cấp huyện thực hiện hoàn trả nguồn đã tạm cấp cho ngân sách UBND cấp huyện.

3. Quyết toán kinh phí

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 58/2020/NQ-HĐND được quyết toán theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu biết về chính sách và triển khai thực hiện tốt chính sách.

b) Kiểm tra việc thực hiện chính sách tại địa bàn mình quản lý, kịp thời phát hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý đối với các đối tượng lợi dụng chính sách để sử dụng vốn vay không đúng mục đích.

c) Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ, điều kiện vay vốn, giải ngân vốn vay, kiểm tra sử dụng vốn vay, đôn đốc, thu hồi công nợ khi đến hạn. Có trách nhiệm phối hợp trong việc xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình cho vay và các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo các ngành, đoàn thể, UBND cấp xã tuyên truyền, phổ biến chính sách đến các tổ chức, cá nhân biết để tiếp cận với chính sách.

b) Hàng năm chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh để tham mưu giao kế hoạch cho các huyện, thành phố.

c) Chỉ đạo ban hành mẫu chung sơ đồ cải tạo vườn tạp cho cấp huyện. Thành lập các Tổ thẩm định chính sách cho vay vốn. Chỉ đạo hệ thống khuyến nông trực tiếp khảo sát và hướng dẫn lập sơ đồ cải tạo vườn tạp; quy trình kỹ thuật đảm bảo phù hợp với điều kiện của từng địa phương và nhu cầu của đối tượng hưởng chính sách.

d) Định kỳ hàng tháng, UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh.

3. Trách nhiệm của các Ngân hàng chính sách xã hội

a) Sử dụng nguồn vốn được tỉnh ủy thác cho vay với lãi suất bằng 0% theo đúng đối tượng; quy chế cho vay hiện hành của Ngân hàng.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra việc sử dụng vốn vay của các tổ chức, cá nhân. Trường hợp phát hiện sử dụng vốn sai mục đích hoặc nhận được thông báo của UBND xã về kết quả kiểm tra phát hiện sử dụng vốn sai mục đích thì tiến hành thu hồi vốn vay trước hạn (thu hồi toàn bộ hoặc một phần vốn vay tương ứng với số tiền sử dụng sai mục đích) và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

c) Định kỳ hàng quý tổng hợp danh sách các tổ chức, cá nhân đã được vay vốn hỗ trợ không lãi suất theo Nghị quyết gửi Sở Tài chính để thanh toán chi phí ủy thác và cấp vốn ủy thác.

d) Lưu hồ sơ các khoản cho vay được hỗ trợ không lãi suất theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu về cho vay theo quy định.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh

a) Sở Nông nghiệp và PTNT

- Hàng năm, căn cứ vào lộ trình của đề án hướng dẫn UBND cấp huyện lập kế hoạch các nội dung hỗ trợ thông qua vay vốn, hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng thụ hưởng chính sách. Phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch, cân đối kinh phí cấp cho các đơn vị dự toán.

- Chủ trì cùng các sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hàng tháng tổng hợp kết quả thực hiện chính sách báo cáo UBND tỉnh; đồng thời tham mưu cho tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của các tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ sau đầu tư đối với nội dung hỗ trợ xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào nhà máy chế biến sản phẩm cây ăn quả có múi. Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư để thực hiện nội dung hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào tại Điều 4 của Nghị quyết số 58/NQ-HĐND.

c) Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện các chính sách hỗ trợ nêu tại Điều 2 và Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hà Giang để thực hiện cho vay vốn với lãi suất bằng 0% và bố trí kinh phí hỗ trợ trực tiếp theo khoản 2, khoản 3 và Điều 4 của Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân về trình tự, thủ tục thanh quyết toán.

- Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn Phòng Nông nghiệp và PTNT, Tài chính – Kế hoạch, Ngân hàng chính sách xã hội trong việc lập hồ sơ, trình tự, thủ tục để thực hiện chính sách.

5. Đối với các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ vay vốn với lãi suất bằng 0%, hỗ trợ trực tiếp.

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn; hỗ trợ trực tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Sử dụng vốn vay, kinh phí hỗ trợ trực tiếp đúng mục đích. Nếu sử dụng vốn vay, kinh phí hỗ trợ trực tiếp không đúng mục đích, đúng đối tượng sẽ bị thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện các quy định của ngân hàng chính sách xã hội thủ tục hỗ trợ vay vốn với lãi suất bằng 0% và chế độ báo cáo theo quy định.

d) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tham mưu sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành của tỉnh;
- Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND cấp xã (cấp huyện sao gửi);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - công báo;
- VNPToffice;
- Lưu VT, KTTH (Hà, Thành, Tiến, Đại)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

Mẫu số: 01/HD-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ CẢI TẠO VƯỜN TẠP***Kính gửi: UBND xã.....*

Họ tên chủ hộ: Nam/Nữ:.....
 Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc.....
 Chứng minh nhân dân số:.....Cấp ngày:...../...../..... Nơi
 cấp:.....
 Chỗ ở hiện tại:.....

Thuộc đối tượng: (Hộ nghèo, hộ cận nghèo).....
 Số lao động chính hiện có:
 Điện thoại (nếu có):..... Di động (nếu có):.....

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội
 đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và
 phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025,

Là chủ hộ gia đình, tôi làm đơn đăng ký cải tạo vườn tạp với nội dung
 sau:

1. Diện tích vườn cải tạo:..... m²;

2. Nội dung cải tạo vườn:.....

.....

3. Số tiền đề nghị vay vốn với lãi suất bằng 0%:..... triệu
 đồng;

4. Thời gian vay vốn:..... tháng.

Tôi xin cam kết nếu được vay vốn, khi cải tạo vườn sẽ thực hiện đảm
 bảo 04 tiêu chí cải tạo vườn tạp theo quy định. Nếu làm sai, tôi xin chịu hoàn
 toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN UBND CẤP XÃ**Người làm đơn**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 02a/HD-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VAY VỐN
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÂY CAM SÀNH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Tôi là: Nam/Nữ:.....
 Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:.....
 Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....
 Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại (nếu có):..... Di động (nếu có):.....

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025,

Nay tôi làm đơn đề nghị được vay vốn để nâng cao chất lượng vườn cam sành với nội dung như sau:

1. Tổng diện tích hiện có:.....ha, trong đó diện tích cam từ 6-15 tuổi làha;
2. Địa chỉ vườn:
3. Diện tích đề nghị hưởng vay vốn với lãi suất bằng 0% để nâng cao chất lượng.....ha;
4. Nhu cầu vaytriệu đồng/ha
5. Tổng kinh phí đề nghị vay vốn: triệu đồng;
6. Thời gian vay:tháng.
7. Nội dung đăng ký nâng cao chất lượng cam sành:.....

5. Tôi xin cam kết nếu được hỗ trợ vay vốn, tôi sẽ thực hiện đúng các quy định, điều kiện đối với người được hưởng hỗ trợ vay vốn. Nếu làm sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN UBND CẤP XÃ

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN TỔ CHỨC

.....

Mẫu số: 02b/HD-UBND
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VAY VỐN
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÂY CAM SÀNH**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Tên tổ chức:

Họ và tên người đại diện tổ chức:.....

Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc.....

Chứng minh nhân dân số:.....Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....

Loại hình tổ chức.....

Ngành nghề kinh doanh chính:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại (nếu có):..... Di động (nếu có):.....

Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư: số:.....

Do:.....Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng số thành viên chính của tổ chức:.....

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025,

Nay đề nghị được vay vốn để nâng cao chất lượng vườn cam sành với nội dung như sau:

1. Tổng diện tích hiện có:.....ha, trong đó diện tích cam từ 6-15 tuổi làha;

2. Địa chỉ vườn:

3. Diện tích đề nghị hưởng vay vốn với lãi suất bằng 0% để nâng cao chất lượng.....ha;

4. Nhu cầu vaytriệu đồng/ha;

5. Tổng kinh phí đề nghị vay vốn: triệu đồng;

6. Thời gian vay:tháng.

7. Nội dung đăng ký nâng cao chất lượng cam sành:.....

5. Chúng tôi cam kết nếu được hỗ trợ vay vốn, sẽ thực hiện đúng các quy định, điều kiện đối với người được hưởng hỗ trợ vay vốn. Nếu làm sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN UBND CẤP XÃngày.....tháng.....năm.....

Chức danh người đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 03/HD-UBND

**BIỂU TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
HỖ TRỢ VAY VỐN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÂY CAM SÀNH
NĂM, XÃ..... HUYỆN.....**

TT	Họ tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số diện tích đề nghị vay vốn (ha)	Số tiền đề nghị vay vốn (Triệu đồng)	Thời gian đề nghị vay (tháng)	Nội dung thực hiện nâng cao chất lượng cam sành	Ghi chú
Tổng (I+II)							
I	Cá Nhân						
1							
2...							
Tổng							
II	Tổ chức						
1							
2...							
Tổng							

UBND XÃ.....
(ký, đóng dấu)

.....ngày...tháng....năm 20...
NGƯỜI LẬP BIỂU

TÊN TỔ CHỨC
.....

Mẫu số: 04a/HD-UBND
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH BẢO TỒN GEN, NHÂN GIỐNG TỐT
VÀ CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT**

Tên tổ chức:
Họ và tên người đại diện tổ chức:.....
Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc.....
Chứng minh nhân dân số:.....Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....
Loại hình tổ chức.....
Ngành nghề kinh doanh chính:.....
Địa chỉ trụ sở chính:.....
.....
Điện thoại (nếu có):..... Di động (nếu có):.....
Fax:.....
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư: số:.....
Do:.....Ngày.....tháng.....năm.....
Tổng số thành viên chính của tổ chức:.....

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025,

Chúng tôi xây dựng Kế hoạch bảo tồn gen, nhân giống tốt và chuyển giao kỹ thuật cơ sở lưu giữ nguồn giống cam sành S0, S1 như sau:

STT	Mã hiệu nguồn giống	Tên, địa chỉ của chủ nguồn giống	Địa chỉ nguồn giống	Tuổi cây	Kinh phí đề nghị hỗ trợ
1					
2....					

- Tổng số cây phân tích mẫu bệnh:cây.
- Thời gian tiến hành phân tích bệnh:
- Tổng kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ (theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND, ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh):..... triệu đồng (bằng chữ:.....).

Trên đây là kế hoạch bảo tồn gen (phân tích mẫu bệnh) nguồn giống cam sành Hà Giang./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
-

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên người đại diện và đóng dấu tổ chức)

Mẫu số: 04b/HD-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ BẢO TỒN NGUỒN GEN

Kính gửi: Phòng Nông nghiệp và PTNT

Tôi là: Nam/Nữ:.....
 Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc.....
 Chứng minh nhân dân số:.....Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....
 Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại (nếu có):..... Di động (nếu có):.....

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025,

Nay tôi làm đơn đăng ký bảo tồn nguồn gen, nhân giống tốt và chuyển giao kỹ thuật cơ sở lưu giữ nguồn giống cam sành S0, S1 như sau:

- Tổng số cây phân tích mẫu bệnh:cây.

- Thời gian tiến hành phân tích bệnh:

- Địa chỉ nguồn giống:

- Tổng kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ (theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND, ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh):..... triệu đồng (bằng chữ:.....).

Tôi xin cam kết nếu được hỗ trợ, tôi sẽ thực hiện đúng các quy định, điều kiện đối với người được hưởng hỗ trợ, sử dụng vốn hỗ trợ đúng mục đích. Nếu làm sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 05a/HD-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ QUẢNG BÁ, TIÊU THỤ SẢN PHẨM CAM SÀNH HÀ GIANG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tôi là: Nam/Nữ:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... Nơi cấp:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại (nếu có): Di động (nếu có):

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025,

Nay tôi làm đơn đăng ký quảng bá, tiêu thụ sản phẩm cam sành Hà Giang niên vụ, như sau:

1. Tổng số lượng sản phẩm cam dự kiến bán ra ngoài tỉnh: tấn;

2. Tổng kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ: đồng;
 (ghi bằng chữ:).

Tôi xin cam kết nếu được hỗ trợ, tôi sẽ thực hiện đúng các quy định, điều kiện đối với người được hưởng hỗ trợ, sử dụng vốn hỗ trợ đúng mục đích. Nếu làm sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

XÁC NHẬN UBND CẤP XÃ

Người làm đơn
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 05b/HD-UBND

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ QUẢNG BÁ, TIÊU THỤ SẢN PHẨM CAM SÀNH HÀ GIANG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên tổ chức:

Họ và tên người đại diện tổ chức:.....

Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc.....

Chứng minh nhân dân số:.....Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....

Loại hình tổ chức.....

Ngành nghề kinh doanh chính:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại (nếu có):..... Di động (nếu có):.....

Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư: số:.....

Do:.....Ngày.....tháng.....năm.....

Tổng số thành viên chính của tổ chức:.....

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025,

Nay chúng tôi làm đơn đăng ký quảng bá, tiêu thụ sản phẩm cam sành Hà Giang niên vụ, như sau:

1. Tổng số lượng sản phẩm cam dự kiến bán ra ngoài tỉnh:..... tấn;

2. Tổng kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ:..... đồng; (ghi bằng chữ:.....).

Chúng tôi cam kết nếu được hỗ trợ, tôi sẽ thực hiện đúng các quy định, điều kiện đối với người được hưởng hỗ trợ, sử dụng vốn hỗ trợ đúng mục đích. Nếu làm sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN UBND CẤP XÃ

.....,ngày.....tháng.....năm.....

Chức danh người đại diện
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 06/HD-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG NGOÀI HÀNG RÀO
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CÂY ĂN QUẢ CÓ MÚI**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Tên tổ chức:

Loại hình tổ chức:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại cố định:.....Di động:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số, cấp ngày, tháng, năm.....

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào nhà máy chế biến sản phẩm cây ăn quả có múi, như sau:

I. Tóm tắt thông tin về dự án xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm cây ăn quả có múi (nhà máy đã hoàn thành), cụ thể:

1. Tên dự án:.....

2. Lĩnh vực hoạt động, đầu tư:.....

3. Địa điểm thực hiện:.....

4. Mục tiêu:

5. Quy mô/công suất:.....

6. Tổng vốn đầu tư:.....

7. Diện tích đất sử dụng:.....

8. Số lao động dự kiến sử dụng trong năm:.....

9. Thời gian khởi công và hoàn thành nhà máy: Từ tháng, năm...đến tháng, năm..

10. Vùng nguyên liệu cung cấp cho nhà máy:.....

11. Quyết định của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư số, ngày, tháng, năm.

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào nhà máy

T T	Nội dung	Quy mô	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến đề nghị hỗ trợ (*) (Triệu đồng)	Ghi chú
--------	----------	--------	--------------------------------------	---	---------

1	Đường giao thông				
2	Hệ thống cấp điện				
3	Hệ thống cấp nước				
4	Hệ thống xử lý nước thải				

* Lưu ý: Mức hỗ trợ theo thực tế của từng dự án, nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

III. Cam kết

1. Về tính chính xác của những thông tin trên;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

XÁC NHẬN UBND CẤP XÃ

....., ngày.....tháng.....năm.....

Chức danh người đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số: 01/HD-UBND

Quy trình thủ tục cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn phát triển kinh tế vườn hộ theo Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND

(trình tự thực hiện áp dụng theo quy chế cho vay tại văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02/5/2003 và văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội; đối với các Mẫu kèm theo quy trình này đã được niêm yết tại Trụ sở UBND cấp xã)

1. Đối tượng vay vốn

- Đối tượng được vay vốn là hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn phát triển kinh tế vườn hộ.

2. Nguyên tắc tín dụng

- Hộ vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.
- Hộ vay phải trả nợ gốc đúng hạn.

3. Điều kiện vay vốn

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc diện hộ đủ điều kiện vay vốn theo Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND.
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không còn dư nợ quá hạn tại Ngân hàng chính sách xã hội.

4. Mức cho vay

- Mức cho vay áp dụng theo khoản 1, Điều 2, Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND
- Tổng dư nợ không được vượt quá mức cho vay tối đa đối với từng đối tượng theo quy định của NHCSXH Việt Nam.

5. Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay bằng 0%

6. Thời hạn cho vay: Tối đa 30 tháng

7. Quy trình thủ tục cho vay:

7.1. Đối với hộ vay:

- Các thành viên trong hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý tổ TK&VV).

- Tự nguyện gia nhập tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi cư trú hợp pháp.

- Viết giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) và kê khai các thông tin vào sổ vay vốn gửi Ban quản lý tổ TK&VV.

7.2. Đối với Ban quản lý Tổ TK&VV:

- Tổ chức họp tổ TK&VV để bổ sung thành viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);

- Lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD) kèm giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) của các tổ viên tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã là hộ có hộ khẩu thường trú tại xã, thuộc diện hộ đủ điều kiện vay vốn theo Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND trên danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD).

- Nhận thông báo danh sách các hộ được phê duyệt cho vay (mẫu số: 04/TD). Thông báo kết quả phê duyệt danh sách các hộ được vay, lịch giải ngân và địa điểm giải ngân tới tổ viên để tiếp tục thực hiện các khâu còn lại trong quy trình vay vốn.

7.3. Đối với NHCSXH nơi thực hiện cho vay:

- Cán bộ tín dụng tập hợp giấy đề nghị vay vốn và danh sách theo mẫu số 03/TD từ các xã (phường, thị trấn) gửi lên, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ vay vốn để trình Thủ trưởng xem xét, phê duyệt cho vay. Bước này tổ chức thực hiện không quá 5 ngày làm việc.

- Gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã để thông báo đến hộ vay. NHCSXH thực hiện giải ngân tại Điểm giao dịch xã

8. Xử lý nợ đến hạn:

8.1- Gia hạn nợ:

a) Trường hợp hộ vay không trả nợ đúng hạn do thiên tai, dịch bệnh và nguyên nhân khách quan khác đã được Bên cho vay kiểm tra xác nhận và có giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số: 09A/TD), thì Bên cho vay xem xét cho gia hạn.

b) Thời gian cho gia hạn nợ: Bên cho vay có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng tổng số thời gian cho gia hạn nợ không quá 12 tháng đối với cho vay ngắn hạn và không quá 1/2 thời hạn cho vay trung hạn;

c) Lãi suất khi hộ vay được gia hạn nợ:

- Đối với Hộ nghèo lãi suất bằng lãi suất cho vay Hộ nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kì.

- Đối với Hộ cận nghèo lãi suất bằng lãi suất cho vay Hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kì

8.2- Chuyển nợ quá hạn:

a) Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Hộ vay sử dụng vốn vay sai mục đích.

- Có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, hộ vay không được gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

b) Sau khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay phối hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức Chính trị - xã hội có biện pháp tích cực thu hồi nợ.

- Đối với hộ nghèo lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kì.

- Đối với Hộ cận nghèo lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kì.

9. Những nội dung khác về: Phương thức cho vay, thủ tục và quy trình cho vay, định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, xử lý nợ bị rủi ro, kiểm tra, đối chiếu nợ,... được thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo tại theo quy định tại văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02/05/2003 và văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/04/2007 của Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam

Phụ lục số: 02/HD-UBND

Quy trình thủ tục cho vay đối với tổ chức, cá nhân vay vốn phát triển bền vững cây cam sành theo Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND

(trình tự thực hiện áp dụng theo quy chế cho vay tại văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội; đối với các Mẫu kèm theo quy trình này đã được niêm yết tại Trụ sở UBND cấp xã)

1. Đối tượng vay vốn

Tổ chức, cá nhân vay vốn phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh theo Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh.

2. Nguyên tắc tín dụng

- a) Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.
- b) Người vay phải trả nợ gốc đúng hạn.

3. Điều kiện vay vốn

3.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh :

- Được thành lập và hoạt động hợp pháp;
- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, duy trì hoặc thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;
- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;
- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức đủ điều kiện vay vốn theo Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND.
- Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng; không còn dư nợ quá hạn tại Ngân hàng chính sách xã hội

3.2. Đối với cá nhân:

- Người vay cư trú hợp pháp tại địa phương, có hộ khẩu thường trú và thuộc diện đủ điều kiện vay vốn theo Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND.
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng; không còn dư nợ quá hạn tại Ngân hàng chính sách xã hội

4. Mức cho vay: Mức cho vay áp dụng theo điểm a, khoản 1, Điều 3, Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND.

5. Bảo đảm tiền vay

- Đối với Tổ chức phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định hiện hành của NHCSXH.
- Đối với cá nhân mức vay từ 100 triệu đồng trở lên phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định hiện hành của NHCSXH.

5. Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay bằng 0%

6. Thời hạn cho vay: Tối đa 36 tháng

7. Phương thức cho vay:

- Đối với Tổ chức NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh hoặc trụ sở Phòng giao dịch (PGD) NHCSXH cấp huyện (sau đây gọi chung là NHCSXH nơi cho vay).

- Đối với cá nhân NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) theo quy định hiện hành của NHCSXH.

8. Quy trình thủ tục cho vay:

8.1. Đối với tổ chức gửi 02 bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi cho vay, gồm:

- Dự án vay vốn phải có xác nhận của UBND cấp xã về nơi thực hiện dự án theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp các giấy tờ sau: Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Đối với Tổ hợp tác là Hợp đồng hợp tác; Đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

- Riêng Tổ hợp tác và Hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: Văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH;

- Dự án vay vốn (Mẫu số 2) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án.

- Bản sao có chứng thực các giấy tờ có liên quan đến tài sản đảm bảo tiền vay theo quy định của NHCSXH.

- Hồ sơ do NHCSXH lập hoặc phối hợp với khách hàng lập: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, biên bản định giá tài sản...

- Khách hàng gửi hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi doanh nghiệp đóng trụ sở để tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn. Thực hiện các quy trình theo hướng dẫn hiện hành về cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của NHCSXH.

- Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng cơ sở sản xuất, kinh doanh lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a/GQVL. NHCSXH nơi cho vay cùng cơ sở sản xuất, kinh doanh lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và đăng ký biện pháp bảo đảm tiền vay theo các quy định hiện hành của NHCSXH. Sau đó, cán bộ tín dụng được Giám đốc NHCSXH phân công tập hợp hồ sơ trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân. NHCSXH thực hiện giải ngân tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

Báo cáo thẩm định và các Hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm, nhưng phải tuân thủ nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

- Trước khi phát tiền vay, NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục nhập kho bản gốc Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã công chứng và các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành.

8.2. Đối với cá nhân có nhu cầu vay vốn phát triển bền vững cây cam sành

8.2.1. Đối với khách hàng

- Các thành viên trong hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay

và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý tổ TK&VV).

- Tự nguyện gia nhập tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi cư trú hợp pháp.
- Viết giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 1a) và gửi Ban quản lý tổ TK&VV.

8.2.2. Đối với Ban quản lý Tổ TK&VV:

- Tổ chức họp tổ TK&VV để bổ sung thành viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);
- Lập danh sách đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD) kèm giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 1a) của các tổ viên tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;
- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã là hộ có hộ khẩu thường trú tại xã, thuộc diện đủ điều kiện vay vốn theo Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND trên danh sách đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD).

8.2.3. Đối với NHCSXH nơi thực hiện cho vay:

- Cán bộ tín dụng tập hợp giấy đề nghị vay vốn và danh sách theo mẫu số 03/TD từ các xã (phường, thị trấn) gửi lên, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ vay vốn để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. Bước này tổ chức thực hiện không quá 10 ngày làm việc.

- Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay, NHCSXH nơi

cho vay cùng người vay vốn lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07b/GQVL, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân.

- NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã để thông báo cho người vay đến điểm Giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay.

9. Xử lý nợ đến hạn:

9.1- Gia hạn nợ.

a) Trường hợp người vay không trả nợ đúng hạn do thiên tai, dịch bệnh và nguyên nhân khách quan khác, đã được Bên cho vay kiểm tra xác nhận và có Giấy đề nghị gia hạn nợ: (i) Đối với tổ chức theo mẫu số 09a/GQVL; (ii) Đối với cá nhân cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội: thực hiện theo thủ tục, quy trình hiện hành về gia hạn nợ thông thường đối với người vay vốn là tổ viên Tổ TK&VV theo mẫu số 09A/TD

b) Thời gian cho gia hạn nợ: Bên cho vay có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng tổng số thời gian cho gia hạn nợ không quá 12 tháng đối với cho vay ngắn hạn và không quá 1/2 thời hạn cho vay trung hạn;

c) Lãi suất khi được gia hạn nợ:

- Bằng lãi suất cho vay Hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kì.

9.2- Chuyển nợ quá hạn:

a. Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Sử dụng vốn vay sai mục đích.

- Có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, không được gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

b) Sau khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay phối hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức Chính trị - xã hội có biện pháp tích cực thu hồi nợ.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kì.

10. Những nội dung khác về: Phương thức cho vay, thủ tục và quy trình cho vay, định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, xử lý nợ bị rủi ro, kiểm tra, đối chiếu nợ,... được thực hiện theo quy định tại văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.
